

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1156/2018/QĐST- HNGĐ

Tân Phú, ngày 16 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

Căn cứ vào các Điều 212, 361, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1009/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983,

- Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1977,

Cùng địa chỉ: phường T, quận T, thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Hữu V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 24/2011, ngày 02/3/2011 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố H.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến trong việc giáo dục con và trong cách chi tiêu tài chính gia đình. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, hai

bên không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà N và ông V cùng xác nhận có 02 trẻ tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 05/8/2012 và Nguyễn Diệp Thảo C, sinh ngày 14/8/2014. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận Bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Diệp Thảo C, sinh ngày 14/8/2014, ông V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hữu P, sinh ngày 05/8/2012. Hoàn việc cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[2] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Hữu V thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 24/2011, ngày 02/3/2011 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố H chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Diệp Thảo C, sinh ngày 14/8/2014. Ông Nguyễn Hữu V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hữu P, sinh ngày 05/8/2012. Ông V, Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp Bà N, ông V không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông V, Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà N, ông V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông V, Bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông V, Bà N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Bà N, ông V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí của Tòa án: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Hữu V nộp nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011922 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Bà N, ông V đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND phường T, quận T, thành phố H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh T